

Số: /KH-UBND

Tam Nông, ngày tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tam Nông

Thực hiện Quyết định số 235/QĐ-UBND-NĐ ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Tam Nông; Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu diện tích các loại đất đã được phân bổ; hoàn thành kế hoạch thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm theo Kế hoạch được duyệt.

2. Yêu cầu

Các đơn vị, địa phương tăng cường công tác phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ; kịp thời đề ra những giải pháp hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Huyện.

II. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Danh mục công trình, dự án thu hồi đất: Chi tiết theo Biểu 01 đính kèm.

2. Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án: Chi tiết theo Biểu 02 đính kèm.

3. Danh mục chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (không phải là đất trồng lúa); chuyển mục đích trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp: Chi tiết theo Biểu 03 đính kèm.

4. Danh mục chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn: Chi tiết theo Biểu 04 đính kèm.

5. Danh mục đất công do Nhà nước quản lý để giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá hoặc không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất: Chi tiết theo Biểu 05 đính kèm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán kinh phí năm 2025 của từng đơn vị, địa phương và các nguồn kinh phí khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025; hướng dẫn các đơn vị, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Theo dõi kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện lập thủ tục điều chỉnh, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Định kỳ, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo về trên theo đúng quy định.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện hoàn thành thủ tục phê duyệt Quy hoạch trên địa bàn các xã, thị trấn (*ưu tiên địa bàn có các dự án Huyện đang kêu gọi đầu tư; các dự án đầu tư mới, mở rộng phải xin chủ trương theo quy định*).

3. Các trường học trực thuộc Huyện

Thực hiện các thủ tục đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân huyện lập kế hoạch khai thác các khu đất thuộc quỹ đất công do Nhà nước quản lý, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, hạn chế lãng phí trong việc sử dụng đất.

- Lập hồ sơ đấu giá, tổ chức đấu giá các khu đất công theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án và bàn giao đất sạch cho Chủ đầu tư đúng tiến độ.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Đẩy nhanh công tác thẩm định giá đất đối với các trường hợp liên quan đến thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn Huyện.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xúc tiến, kêu gọi Nhà đầu tư đầu tư vào Huyện.

6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thực hiện công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đúng theo quy định. Đồng thời, tích cực phối hợp với các ngành chuyên môn huyện trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện các thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các khu đất đang quản lý, sử dụng mà chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo dõi, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo danh mục đã được phê duyệt.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- TT HU, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các ban, ngành huyện;
- Các trường học trực thuộc Huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Lưu: VT, NC/KTN_{Khánh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thanh Thành

Biểu 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN TAM NÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành (Thu hồi đất, BTHT&TĐC)				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
I	Năm 2022 chuyển sang năm 2025								
a	Vốn trung ương								
1	Đường dây 110kV Hồng Ngự-Vĩnh Hưng	0,20	Tân Công Sính, Hòa Bình	X				Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; UBND các xã: Tân Công Sính và Hoà Bình	
2	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV An Long- Hồng Ngự	0,20	An Long, An Hòa				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; UBND các xã: An Hòa và An Long	
3	Đường dây 220kV Hồng Ngự - Châu Đốc	0,70	An Hòa				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT và UBND xã An Hòa	
b	Vốn tỉnh								
4	Xây dựng cầu Phú Hiệp và cầu Cà Dâm, huyện Tam Nông	2,61	Tân Công Sính, TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT và UBND TT Tràm Chim	
c	Dự án kêu gọi đầu tư								
5	Dự án khu dân cư – Thương mại dịch vụ Hồ điều hòa (khu I)	9,40	TT Tràm Chim				X	Phòng TC-KH; Phòng KT&HT; Phòng TN&MT; Ban QLDA&PTQĐ và UBND TT. Tràm Chim	
6	Dự án Khu dân cư bờ Tây đường Nguyễn Huệ (khu II)	8,20	TT Tràm Chim				X		
7	Dự án Khu dân cư - Thương mại dịch vụ, phố đi bộ (khu III)	8,30	TT Tràm Chim				X		

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành (Thu hồi đất, BTHT&TĐC)				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
8	Dự án Khu dân cư bờ Bắc đường vành đai (Đê bao biển đổi khí hậu, Khu IV)	8,00	TT Tràm Chim				X	Phòng TC-KH; Phòng KT&HT; Phòng TN&MT; Ban QLDA&PTQĐ và UBND TT. Tràm Chim	
9	Dự án Khu dân cư liền kề Khu dân cư bờ Bắc đường vành đai (khu V)	5,50	TT Tràm Chim				X		
10	Dự án Khu đô thị Tràm Chim	125,00	TT Tràm Chim				X		
11	Dự án Khu đô thị ngập nước - Ngọc sinh quyền	279,00	Phú Cường, TT Tràm Chim				X		
12	Dự án khu dân cư Nam Đồng Tiến	11,60	TT Tràm Chim				X		
II	Năm 2023 chuyển sang năm 2025								
a	Vốn tỉnh								
13	Cụm dân cư An Long (Dự án đầu tư xây dựng của Dự án thành phần 03: Cụm dân cư An Long, xã An Long, huyện Tam Nông thuộc dự án Bố trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 – 2025)	3,70	An Long		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TP; Phòng TC-KH, Phòng KT&HT và UBND xã An Long	
III	Năm 2024 chuyển sang năm 2025								
a	Vốn huyện								
14	Công trình nâng cấp Lò giết mổ khu vực An Long	0,98	Phú Ninh			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng NN&PTNT và UBND xã Phú Ninh	
IV	Bổ sung năm 2024 chuyển sang năm 2025								
15	Dự án Đường N16 (đoạn từ đường kết nối Đường ĐT.843 và ĐT.855 đến ranh Vườn Quốc gia Tràm Chim)	2,8842	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TC-KH, Phòng KT&HT và UBND TT. Tràm Chim	
V	Năm 2025								

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành (Thu hồi đất, BTHT&TĐC)				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
a	Vốn huyện								
16	Đường kết nối khu dân cư An Long đến nhà máy xử lý nước thải	0,65	An Long			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TC-KH, Phòng KT&HT và UBND xã An Long	

DANH MỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2025 HUYỆN TAM NÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
I	Năm 2022 chuyển sang năm 2025								
a	Dự án kêu gọi đầu tư								
1	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa nước sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Dự án xây dựng kho lạnh và nhà máy chế biến thủy sản Hùng Cường)	9,50	Phú Cường	- Thực hiện thường xuyên. - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDD theo quy định. - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TC-KH; Phòng TN&MT, Phòng KT&HT và UBND xã Phú Cường	
II	Năm 2023 chuyển sang năm 2025								
a	Dự án kêu gọi đầu tư								
2	Chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,86	Phú Hiệp	- Thực hiện thường xuyên. - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDD theo quy định. - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TC-KH; Phòng TN&MT, Phòng KT&HT và UBND xã Phú Hiệp, Phú Thọ	
3	Chuyển mục đích từ đất trồng cây hằng năm và đất nuôi trồng thủy sản sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	0,08	Phú Thọ						
4	Dự án khai thác mỏ đất sét làm gạch ngói tại huyện Tam Nông	9,60	Phú Hiệp						
III	Bổ sung năm 2024 chuyển sang năm 2025								
5	Nhà xưởng sản xuất kèm cắt móng tay, móng chân (chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	0,0856	Phú Thọ	- Thực hiện thường xuyên. - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDD theo quy định. - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TC-KH; Phòng TN&MT, Phòng KT&HT và UBND xã Phú Thọ	

Biểu 03

DANH MỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT TRỒNG LÚA); CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NỘI BỘ NHÓM ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2025 HUYỆN TAM NÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
I	Năm 2024 chuyển sang năm 2025									
1	CMĐ đất ONT xã An Hòa (bờ nam đường An Hòa - Hòa Bình, bờ bắc cấp đường An Hòa - Hòa Bình, phía Đông Tây QL30, đường ven sông Tiền, bờ Bắc - Nam Kênh An Bình, bờ Tây kênh 2-9, bờ Tây kênh giữa An Bình)	0,40	An Hòa	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDĐ theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025						
2	CMĐ sang đất ONT xã An Long (đọc 2 bên tuyến Quốc lộ 30, bờ Bắc Kênh Đồng Tiền, cấp 2 bên Tỉnh lộ 844, bờ Đông-Tây kênh 2/9, lộ làng ấp Phú Yên, lộ làng ấp Phú Thọ, lộ làng ấp Phú Lợi, bờ Nam đường nhựa ranh An Long -An Hoà, bờ Tây kênh Kháng Chiến 1)	0,30	An Long							
3	CMĐ sang đất ONT xã Hòa Bình (bờ Nam kênh An Bình, Tuyến cấp Tỉnh lộ 855, bờ Đông Kênh Mười Tài, 2 bên đường hương lộ Hòa Bình - Phước Xuyên, bờ Đông TSC2, bờ Nam Gáo Đồi)	0,40	Hòa Bình							
4	CMĐ sang đất ONT xã Phú Đức (phía Tây lộ 843 đoạn từ ranh TT tràm Chim đến giáp ranh Phú Hiệp; phía Đông lộ 843 đoạn từ Ngã 3 cây xăng ông Bạo đến giáp ranh Phú Hiệp; phía bờ Đông kênh Gò Da; phía bờ Tây kênh Phú Đức đoạn từ kênh A3 đến giáp ranh ấp Phú Nông xã Phú Hiệp, phía Nam lộ An Hoà - Hòa Bình)	0,30	Phú Đức							

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
10	CMD sang đất ONT xã Tân Công Sính (bờ Nam đường An Hòa - Hòa Bình, cặp hai bên tỉnh lộ ĐT855, bờ Nam kênh Phú Đức, bờ Nam kênh TCS1; bờ Đông-Tây kênh Lung Bông)	0,50	Tân Công Sính	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDD theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025					
11	CMD từ đất trồng cây lâu năm sang đất SKC	0,02	An Hòa						
12	CMD từ đất trồng cây lâu năm sang đất TMD	0,08	Tân Công Sính						
13	CMD từ đất trồng cây lâu năm sang đất SKC	0,02	Tân Công Sính						
14	CMD từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ONT	0,02	An Long						
II	Bổ sung năm 2024 chuyển sang năm 2025								
15	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	0,08	TT Tràm Chim						
III	Năm 2025								
16	Chuyển mục đích đất sang đất ONT	0,11	Phú Ninh						
17	Chuyển mục đích đất sang đất ONT	0,18	An Long						
18	Chuyển mục đích đất sang đất ONT	0,12	Phú Thành A						
19	Chuyển mục đích đất sang đất ONT	0,14	Phú Thành B						
20	Chuyển mục đích đất sang đất ODT	0,135	TT Tràm Chim						
21	Cửa hàng xăng dầu (Chuyển mục đích từ đất BHK sang đất TMD)	0,2587	Phú Thành A						
22	Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Phước (Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ (TMD))	0,06	Phú Đức						

Biểu 04

**DANH MỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRONG NỘI BỘ
NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2025 HUYỆN TAM NÔNG**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
	CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP								
I	Năm 2023 chuyển sang năm 2025								
1	CMĐSDĐ từ đất LUC sang đất NTTS	4,60	Phú Cường	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDĐ theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TN&MT; UBND các xã: Phú Cường, Phú Đức	
2	Chuyển từ đất lúa và rừng sản xuất sang cây lâu năm (ô bao không số)	15,00	Phú Đức						
II	Bổ sung năm 2024 chuyển sang năm 2025								
3	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	7,7037	xã Phú Cường	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDĐ theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TN&MT; UBND xã Phú Cường	
III	Năm 2025								
4	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	5,7883	xã Phú Thành B	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDĐ theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TN&MT; UBND xã Phú Thành B	
5	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	0,8423	xã Phú Thành B						
6	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	2,6609	xã Phú Thành B						

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
7	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	6,9974	xã Phú Thành B	- Thực hiện thường xuyên - Theo dõi, thông tin nhắc nhở người sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển mục đích SDD theo quy định - Thời gian hoàn thành trong năm 2025				Phòng TN&MT; UBND các xã: Phú Thành B, Phú Đức, An Hoà	
8	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	2,3213	xã Phú Thành B						
9	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NTS	3,1486	xã Phú Thành B						
10	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NKH	0,10	xã Phú Đức						
11	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NKH	0,10	xã An Hoà						
12	Chuyển mục đích đất LUC sang đất NKH	0,10	xã Phú Thành B						

Biểu 05

DANH MỤC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI QUỸ ĐẤT CÔNG
DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ NĂM 2025 HUYỆN TAM NÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2025 Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
I	Năm 2023 chuyển sang năm 2025								
1	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trồng cây hằng năm khác)	18,11	An Hòa				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AH	Cho thuê đất
2	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất nuôi trồng thủy sản)	1,80	Phú Hiệp				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PH	Cho thuê đất
3	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,01	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
4	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,01	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
5	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,26	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
6	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trồng cây hằng năm khác)	0,74	An Hòa				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AH	Cho thuê đất
7	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,13	Phú Cường				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Giao đất
8	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,10	Phú Thành A			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PTA	Giao đất
9	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,02	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Cho thuê đất
10	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,03	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Cho thuê đất
11	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,03	Phú Đức			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PD	Cho thuê đất

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
12	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,30	Phú Đức			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PĐ	Cho thuê đất
13	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,03	Phú Đức			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PĐ	Cho thuê đất
14	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất công trình cấp nước, thoát nước)	0,02	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PH	Cho thuê đất
15	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,20	Phú Thành A			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
16	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	1,40	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
17	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,06	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
18	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,01	An Hòa		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AH	Giao đất
19	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trụ sở cơ quan)	0,40	Phú Ninh			X		UBND xã PN	Giao đất
20	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)	0,01	An Long			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
21	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)	0,01	An Long			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
22	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở văn hóa)	0,45	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
23	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,38	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
24	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	3,83	Tân Công Sính				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã TCS	Cho thuê đất
25	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trụ sở cơ quan)	1,10	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
26	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất cơ sở tôn giáo)	0,51	An Long				X	Giáo xứ An Long	Giao đất
27	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo)	0,19	TT Tràm Chim			X		Hòa An Tự	Giao đất
28	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trụ sở cơ quan)	0,18	TT Tràm Chim				X	Cục Thi hành án dân sự	Giao đất
29	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trồng cây hằng năm khác)	0,12	An Long				X	Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AL	Cho thuê đất
30	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất thương mại dịch vụ)	0,06	An Long		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AL	Cho thuê đất
31	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao)	1,60	Phú Thọ			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
32	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	0,03	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Cho thuê đất
II	Năm 2024 chuyển sang năm 2025								
33	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,20	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
34	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trụ sở cơ quan)	0,50	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
35	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)	0,05	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
36	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng)	0,05	An Hòa			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
37	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,50	Phú Thọ			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
38	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	4,36	Phú Thành B			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
39	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,50	Phú Thành B			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
40	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,30	Tân Công Sính			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
41	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,03	An Hòa		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AH	Giao đất
42	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	0,03	An Hòa		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AH	Cho thuê đất
43	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,01	Phú Thành A			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PTA	Giao đất
44	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	0,02	Phú Thành B			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PTB	Giao đất
III	Bổ sung năm 2024 chuyển sang 2025								
45	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	#REF!	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Cho thuê đất
46	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	#REF!	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
47	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	#REF!	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
48	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại nông thôn)	#REF!	Phú Thành A			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PTA	Giao đất
49	Khu đất Nhà nước đang quản lý (giao đất cho Giáo xứ Hòa Bình, xã Hòa Bình)	#REF!	Hòa Bình			X		Giáo xứ Hòa Bình	Giao đất
50	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất ở tại đô thị)	#REF!	TT Tràm Chim		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất
51	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất ở tại nông thôn)	#REF!	Phú Ninh		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PN	Giao đất
IV	Năm 2025								
52	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất ở tại nông thôn)	0,01	Tân Công Sính			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã TCS	Giao đất
53	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất ở tại đô thị)	0,01	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Giao đất

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
54	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất ở tại nông thôn)	0,02	Phú Thành B			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PTB	Giao đất
55	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,34	Phú Ninh			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
56	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,40	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
57	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,45	An Hoà			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
58	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở văn hóa)	0,24	Phú Thành B			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
59	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở văn hóa)	0,22	Phú Ninh			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
60	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở văn hóa)	0,10	An Long			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
61	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao)	1,60	Phú Đức			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
62	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao)	1,10	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
63	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,20	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
64	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,60	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
65	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,33	Phú Hiệp			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
66	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,51	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
67	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,70	Phú Thành A			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
68	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo)	0,55	Phú Đức			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất

TT	Tên công trình	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Thời gian hoàn thành				Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
69	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất trụ sở cơ quan)	0,07	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ	Giao đất
70	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất có di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên)	0,14	Phú Cường			X		Bưu điện tỉnh	Cho thuê đất
71	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất ở tại nông thôn)	0,01	Phú Hiệp		X			Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PH	Giao đất
72	Khu đất do Nhà nước quản lý (đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin)	0,06	An Long			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã AL	Cho thuê đất
73	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất thương mại dịch vụ)	0,32	TT Tràm Chim			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND TTTC	Cho thuê đất
74	Khu đất Nhà nước đang quản lý (Đất nuôi trồng thủy sản)	2,18	Phú Cường			X		Ban QLDA&PTQĐ; Phòng TN&MT; Phòng TCKH; UBND xã PC	Cho thuê đất